

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP. HỒ CHÍ MINH

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
NĂM 2016**

**Theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015**

Tháng 01-2017

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 31/12/2016			Giải ngân đến ngày 31/12/2016			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2016	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2016	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
<b>A</b>	<b>Các dự án nhóm A</b>																	
1																		
2																		
<b>B</b>	<b>Các dự án nhóm B</b>																	
1	Xây dựng bãi chôn lấp số 3	247/QĐ-MTĐT	976.450	620.046	63,5%	356.404	36,5%	11 năm (2013-2023)				268.808		268.808	250.473	7.000	257.473	243.47
2	Nghĩa trang Đa phúc giai đoạn 2	456/QĐ-MTĐT	395.850					10 năm (2017-2026)					2.760	2.760		2.760	2.760	
<b>C</b>	<b>Các dự án khác</b>																	

Người lập biểu  
(Ký)

*Đỗ Tiến Dũng*

Đỗ Tiến Dũng



Giám đốc doanh nghiệp  
(Ký, đóng dấu)

Huỳnh Minh Nhựt



Tp.HCM ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Kính gửi : Chi Cục Tài Chính Doanh Nghiệp**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ TÀI SẢN, CÔNG NỢ PHẢI THU,  
CÔNG NỢ PHẢI TRẢ THEO THÔNG TƯ 158/2013/TT-BTC**

Căn cứ tại điểm b, khoản 2, điều 5 chương III theo Thông tư 200/2015/TT-BTC về hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn Nhà nước quy định về “ Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, phải trả...” như sau:

1) Về tình hình trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi:

Mức trích lập dự phòng công nợ khó đòi đến 31/12/2016 là 830.872.792 đồng, tổng phải thu đến 31/12/2016 là 401.302.657.836 đồng (bảng cân đối kế toán) → Tỷ lệ dự phòng nợ khó đòi/tổng phải thu là 0,20%.

Nhận xét:

- Tỷ lệ nợ khó đòi/tổng phải thu là 0.20% → điều này cho thấy khoản nợ khó đòi chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng khoản phải thu, ít ảnh hưởng đến tài chính của doanh nghiệp.
- Hiện nay, công ty đang cùng với các phòng ban và các xí nghiệp trực thuộc có liên quan tiến hành kiểm tra làm việc với những đơn vị có liên quan đến các khoản công nợ khó đòi đến 31/12/2016 để khẩn trương thu hồi các khoản nợ và nếu khoản nợ đến cuối năm vẫn không thu hồi được công ty sẽ xử lý vào cuối năm 2017 theo đúng quy định.

2) Về tình hình thực hiện các dự án:

Thẩm quyền quyết định phê duyệt các dự án đúng với quy định pháp luật, các công tác đầu tư các dự án, mua sắm tài sản, thiết bị đúng quy định về công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, công tác tính khấu hao tài sản, thanh lý tài sản, vật tư đúng theo quy định.

3) Về tình hình công nợ phải trả:

Về công nợ phải trả, công ty đều thực hiện việc trả nợ cho khách hàng đúng thời điểm thanh toán.

Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TP.HCM



**HUYỀN MINH NHỰT**

## TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2014	Cùng kỳ năm 2015	Thực hiện năm 2016		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2014	Cùng kỳ năm 2015	Kế hoạch năm
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(1)
<b>A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh</b>							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu							
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3. Tôn kho cuối kỳ							
<b>B. Chỉ tiêu tài chính</b>							
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	1.291.479	1.112.139	1.292.331	1.028.108	79,61%	92,44%	79,55%
2. Giá vốn hàng bán	1.189.887	995.165	1.179.660	913.676	76,79%	91,81%	77,45%
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	101.592	116.974	112.671	114.432	112,64%	97,83%	101,56%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	1.079	285	940	748	69,32%	262,46%	79,55%
5. Chi phí tài chính	4.009	6.109	5.143	3.983	99,35%	65,20%	77,45%
6. Chi phí bán hàng							
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	55.122	63.002	81.898	63.432	115,08%	100,68%	77,45%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	43.540	48.148	26.570	47.765	109,70%	99,20%	179,77%
9. Thu nhập khác	4.385	2.250	3.291	2.618	59,70%	116,36%	79,55%
10. Chi phí khác	1.140	657	506	392	34,39%	59,67%	77,45%
11. Lợi nhuận khác	3.245	1.593	2.785	2.226	68,60%	139,74%	79,94%
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.785	49.741	29.355	49.991	106,85%	100,50%	170,30%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.378	6.770	3.669	6.818	81,38%	100,71%	185,81%
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	38.407	42.971	25.686	43.173	112,41%	100,47%	168,08%

Người lập biểu



Trần Anh Thi



Giám đốc

Huỳnh Minh Nhật



## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH %	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước %
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm					
- Bảo quản nghĩa trang	Ha	770,01	770,01	100,00%	100,00%
- Nhật từ thi	Từ thi	449	432	96,21%	96,21%
- Bảo quản từ thi	Từ thi	714	755	105,74%	105,74%
- Thiêu từ thi	Từ thi	142	123	86,62%	86,62%
- Thu gom vận chuyển rác	T/Km	55.741.234,54	59.668.013,53	107,04%	101,89%
- Xử lý rác	Tấn	182.000,00	241.924,21	132,93%	92,06%
- Rác y tế	Kg	5.651.169,00	7.183.757,19	127,12%	127,12%
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu	Tấn, kg				
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu					
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	Tr.đ	1.267.207	981.483	77,45%	92,16%
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	Tr.đ	1.296.562	1.031.474	79,55%	92,54%

Người lập biểu



Trần Anh Thị

Giám đốc



Huỳnh Minh Nhật

**A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
<b>1. Thuế</b>	27.477.941.854	60.290.305.769	65.565.365.634	22.202.881.989
- Thuế GTGT	24.264.950.112	44.038.503.777	52.029.889.685	16.273.564.204
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.137.208.682	6.836.946.955	6.736.441.809	3.237.713.828
- Thuế xuất, nhập khẩu				
- Thuế tài nguyên	2.824.200	46.565.560	45.531.840	3.857.920
- Tiền thuê đất		4.840.121.282	4.840.121.282	-
- Thuế đất				
- Thuế môn bài		3.000.000	3.000.000	-
- Thuế thu nhập cá nhân	72.958.860	4.525.168.195	1.910.381.018	2.687.746.037
- Các khoản thuế khác				-
<b>2. Các khoản phải nộp khác</b>	-	-	-	-
- Phí, lệ phí				
- Các khoản phải nộp khác				
<b>3. Nộp ngân sách nhà nước (Quỹ hỗ trợ và phát triển DN) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của DN theo quy định</b>				

Kế toán trưởng

Huỳnh Hữu Hồ

Ngày 20 tháng 01 năm 2017

Giám đốc



Huỳnh Minh Nhật



**B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2016***(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)**DVT: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	27.142	2.073	1.442	27.773
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	54.795	42.901	55.155	42.541
3. Quỹ Thương viên chức quản lý doanh nghiệp	774	418	730	462
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp				
5. Quỹ Đặc thù khác (nếu có)				

Người lập biểu



Trần Anh Thi

Giám đốc



Huỳnh Minh Nhựt

## TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

- |  | Có                                  | Không                               |
|--|-------------------------------------|-------------------------------------|
| 1. Trong năm vừa qua, doanh nghiệp có tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách hay không  | <input checked="" type="checkbox"/> |                                     |
| 2. Doanh nghiệp có tuân thủ đầy đủ (có quy trình, nhân viên được đào tạo và phổ biến về quy trình, không bị xử phạt hành chính và/hoặc trên hành chính, ...) các quy định về an toàn vệ sinh môi trường và xử lý chất thải không | <input checked="" type="checkbox"/> |                                     |
| 3. Doanh nghiệp có thực hiện đầy đủ chế độ chính sách (chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, v.v...) cho người lao động hay không   | <input checked="" type="checkbox"/> |                                     |
| 4. Doanh nghiệp có bị lập biên bản vi phạm hành chính nào khác liên quan đến việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật không  |                                     | <input checked="" type="checkbox"/> |

Người lập biểu



Trần Anh Thi



Giám đốc

Huỳnh Minh Nhựt



## TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VỐN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

*DVT: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
<b>A. Vốn chủ sở hữu, trong đó:</b>	<b>335.536</b>	<b>336.999</b>	<b>1,00</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	303.638	304.470	
2. Quỹ đầu tư phát triển	27.142	27.773	
3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	4.756	4.756	
<b>B. Tổng tài sản</b>	<b>1.373.046</b>	<b>1.308.613</b>	
<b>C. Lợi nhuận sau thuế</b>	X	43.173	
<b>D. Hiệu quả sử dụng vốn</b>			
1. Tỷ suất LN sau thuế /Vốn CSH (ROE)	X	0,13	X
2. Tỷ suất LN sau thuế /Tổng tài sản (ROA)	X	0,03	X

Người lập biểu



Trần Anh Thi

Giám đốc



Huỳnh Minh Nhựt

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)  
NĂM 2016

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.195.155.776.601	1.043.650.009.728
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-506.862.007.899	-445.831.478.259
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-271.890.946.060	-172.544.226.958
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-4.106.286.731	-5.843.734.264
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-6.736.441.609	-6.682.181.557
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		20.928.143.905	13.462.939.938
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-207.876.292.877	-126.444.442.648
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>218.611.945.130</b>	<b>299.766.885.980</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-54.235.943.443	-113.955.378.673
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		180.800.000	162.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		748.110.025	285.054.506
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>-53.307.033.421</b>	<b>-113.508.324.167</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-150.424.582.495	-143.032.567.586
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-150.424.582.495</b>	<b>-143.032.667.586</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>14.880.329.214</b>	<b>43.225.894.227</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>64.305.719.572</b>	<b>21.079.825.345</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>79.186.048.786</b>	<b>64.305.719.572</b>

Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh dương, thể hiện lượng tiền mặt công ty tạo ra đáp ứng đủ nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, làm tăng tính thanh khoản, khả năng thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn của công ty. Lượng tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh đủ để chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ, chi trả cho người lao động, lãi vay, nộp thuế và các hoạt động kinh doanh khác.



Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư chủ yếu mua sắm phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, xây dựng nhà xưởng, bãi chôn lấp rác của công ty.

Luồng tiền phát sinh từ hoạt động tài chính là tiền chi trả các khoản nợ gốc đã vay của dự án nâng công suất xử lý chất thải nguy hại thêm 14 tấn/ngày, dự án đầu tư tăng cường năng lực xe máy 2015 và dự án nhà máy xử lý nước rỉ rác theo công nghệ Seen.

Người lập biểu



Trần Anh Thi

Kế toán trưởng



Huỳnh Hữu Hồ



Ngày 20 tháng 01 năm 2017

Giám Đốc

Huỳnh Minh Nhựt